

Báo cáo Kinh tế Vĩ mô và Thị trường Tài chính

Hà Nội, Tháng 7/2024

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính

Kinh tế Việt Nam phục hồi mạnh trong bối cảnh kinh tế Mỹ giảm tốc và EU cải thiện dần trong 2024

- ◆ PHẦN 1

TÓM TẮT

- ◆ PHẦN 2

KINH TẾ THẾ GIỚI

- ◆ PHẦN 3

KINH TẾ VIỆT NAM

- ◆ PHẦN 4

PHỤ LỤC

Tóm tắt

➤ Kinh tế Thế giới:

- Mặc dù giá cước vận tải đường biển toàn cầu tăng đột biến với đà tăng lớn chủ yếu ở tuyến châu Á tới Mỹ/EU, khả năng lạm phát Mỹ/EU tăng do chi phí vận tải biển là rất nhỏ.
- Tiêu dùng Mỹ cho thấy sự suy yếu khi doanh số bán lẻ, chi tiêu tiêu dùng cá nhân cho dịch vụ và niềm tin của người tiêu dùng chậm lại. Thị trường lao động có xu hướng giảm với số liệu số lượng người được tuyển dụng trong những tháng trước được điều chỉnh giảm mạnh, cũng như tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên 4,1%.
- Chỉ số CPI của Mỹ dự kiến sẽ tiếp tục hạ nhiệt trong nửa sau của năm 2024 với kỳ vọng mới đến từ cấu phần lạm phát dịch vụ lõi không bao gồm nhà ở sẽ suy giảm. Chúng tôi duy trì quan điểm Fed có thể hạ lãi suất lần đầu vào tháng 9, dựa trên tình hình hiện tại của thị trường lao động và lạm phát của Mỹ.
- Tâm lý người tiêu dùng EU đang có dấu hiệu cải thiện. Sản xuất công nghiệp và dịch vụ suy giảm nhưng vẫn giữ tâm lý lạc quan.
- Khả năng ECB cắt giảm lãi suất vào tháng 7 là thấp, với xác suất cắt giảm cao hơn cho cuộc họp tháng 9.
- GDP của EU dự kiến sẽ tiếp tục phục hồi nhờ các yếu tố như: tâm lý người tiêu dùng được cải thiện, thị trường lao động kiên cường, tăng trưởng thu nhập và chính sách nới lỏng tiền tệ của ECB. Tuy nhiên dự kiến quá trình phục hồi sẽ chậm do sự suy giảm từ phía cung của nền kinh tế.

➤ Kinh tế Việt Nam:

- Khu vực công nghiệp và xây dựng tiếp tục là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế. Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo GDP cả năm 2024 lên 6,5%.
- Số lượng đơn hàng mới tăng mạnh, hỗ trợ hoạt động thương mại và sản xuất của Việt Nam. Chúng tôi dự báo tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu cho 2024 lần lượt là 12,5% và 18,5% so với cùng kỳ (YoY).
- Tổng giá trị vốn FDI đăng ký mới và đăng ký bổ sung 6M24 đạt 13,5 tỷ USD, tăng mạnh 43,2% YoY. Lĩnh vực chế biến, chế tạo nhận được sự quan tâm lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài.
- Kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng nội địa sẽ cải thiện nhờ việc du lịch phục hồi hoàn toàn và các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ.
- Lạm phát trung bình cả năm 2024 được dự báo sẽ trong vùng từ 3,5% đến 4,0%, vẫn dưới mức mục tiêu 4,5% mà Chính phủ đề ra.
- Dự báo USD/VND quanh 25.450 trong ngắn hạn, nhưng sẽ hạ nhiệt về mức 25.250 cuối năm.
- Dự báo lãi suất huy động tăng nhẹ so với cuối năm 2023 khi nền kinh tế phục hồi.

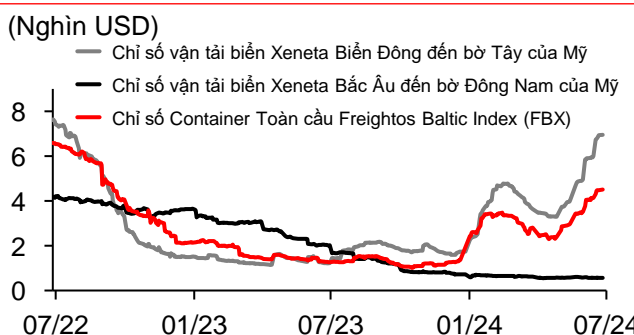
Kinh tế thế giới

Nền kinh tế Mỹ tiếp tục cho thấy sự chững lại. Chúng tôi duy trì quan điểm Fed sẽ hạ lãi suất lần đầu vào tháng 9, trong bối cảnh lạm phát suy giảm và tỷ lệ thất nghiệp Mỹ tăng vượt dự đoán của FOMC. Nền kinh tế EU được cho rằng sẽ phục hồi dần dần, được hỗ trợ bởi thị trường lao động vững mạnh trong bối cảnh chính sách nới lỏng tiền tệ được thực thi.

Giá cước vận tải đường biển toàn cầu tăng mạnh trong bối cảnh giá cước các tuyến Châu Á-Mỹ/EU ngày càng tăng, trong khi tuyến Bắc Mỹ và EU có mức giá không đổi

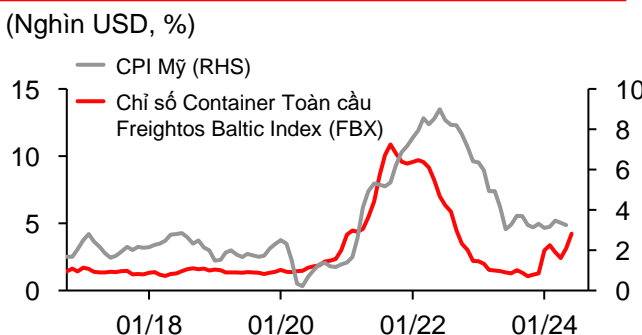
Giá cước vận tải đường biển trên toàn cầu đã tăng mạnh, đặc biệt các tuyến châu Á - Mỹ/EU ghi nhận sự gia tăng đáng kể, trong khi chi phí vận tải biển trên các tuyến Bắc Mỹ - EU vẫn duy trì ổn định. Sự tăng giá này chủ yếu bị ảnh hưởng bởi hai yếu tố chính. **Thứ nhất**, Trung Quốc đang phải đối mặt với thuế nhập khẩu từ cả Mỹ và EU, khiến các nhà cung cấp tại quốc gia này phải đẩy nhanh xuất khẩu để đáp ứng nhu cầu nhập khẩu cho kỳ nghỉ lễ của phương Tây, thường diễn ra vào cuối tháng 7. **Thứ hai**, các cuộc xung đột đang diễn ra ở khu vực Biển Đỏ, tuyến hàng hải huyết mạch nối Châu Á – Châu Âu và Châu Á – Châu Mỹ, tiếp tục làm gián đoạn hoạt động vận tải biển, gia tăng rủi ro về an ninh, gây chậm trễ hoặc khiến tàu thuyền phải thay đổi lộ trình, làm tăng chi phí, kéo dài thời gian vận chuyển, đặt ra những thách thức về logistics và làm tăng phí bảo hiểm cho các công ty vận chuyển. Việc nhu cầu và chi phí đầu vào đều tăng đã khiến giá cước vận tải đường biển cũng tăng theo.

Hình 1: Giá cước vận tải toàn cầu và các khu vực



Tuy nhiên, chúng tôi nhận thấy khả năng lạm phát Mỹ/EU tăng do chi phí vận tải biển là rất nhỏ

Hình 2: CPI Mỹ và cước vận tải biển



Sự leo thang của chi phí vận chuyển làm tăng mối lo ngại về áp lực lạm phát tới cả Mỹ và EU. Quay trở lại năm 2021, khi giá cước vận chuyển hàng hóa toàn cầu trung bình lũy kế (YTD) so với cùng kỳ (YoY) tăng ~300%, lạm phát ở EU bị ảnh hưởng ở mức khiêm tốn với mức ước tính từ 0,3 đến 0,5 điểm phần trăm (đpt), trong khi tác động lên lạm phát ở Mỹ dao động từ 3,6 tới 5,9 đpt. Trong 2024, chúng tôi nhận thấy khả năng lạm phát ở Mỹ tăng do chi phí vận tải biển là rất nhỏ. **Thứ nhất**, cước vận tải toàn cầu hiện chỉ tăng 84% YTD YoY, đây là mức vừa phải so với

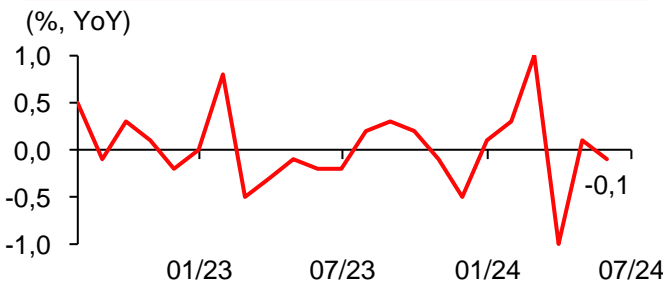
Kinh tế thế giới (tiếp)

... mức tăng 300% trong giai đoạn hậu COVID-19 năm 2021. **Thứ hai**, nhiều khả năng hàng hóa Mỹ có thể chịu tác động truyền dẫn của giá hàng hóa Trung Quốc. Trung Quốc, vốn là nước xuất khẩu lớn sang Mỹ, đang chứng kiến thời kỳ giảm phát vào nửa cuối năm 2023 (2H23), tiếp đó là lạm phát giảm trong nửa đầu năm 2024 (1H24). Kết quả là hàng hóa và sản phẩm của Trung Quốc đều giảm giá. Với tỷ giá USDCNY ổn định, nhiều khả năng hàng hóa Mỹ sẽ bị ảnh hưởng bởi hiệu ứng truyền dẫn giảm phát của Trung Quốc. Ngược lại, điều này sẽ giảm thiểu tác động của giá cước vận tải biển đối với hàng xuất khẩu của Trung Quốc sang Mỹ. **Thứ ba**, việc giá nhập khẩu của Mỹ bất ngờ giảm 0,4% trong tháng 5, trái ngược với kỳ vọng của thị trường, càng củng cố thêm cho những lập luận nói trên. Cuối cùng, Mỹ sẽ áp thuế nhập khẩu đối với các hàng hóa lớn của Trung Quốc như máy móc và thiết bị điện, cũng như thép, kể từ ngày 1 tháng 8 năm 2024. Một khi thuế nhập khẩu có hiệu lực, các nhà xuất khẩu có thể giảm khối lượng xuất khẩu sang Mỹ. Điều này sẽ làm giảm nhu cầu vận chuyển giai đoạn sau tháng 7, khiến cho giá cước vận tải có xu hướng giảm đi. Dựa vào các lập luận kể trên, khả năng lạm phát ở Mỹ tăng đáng kể do chi phí vận chuyển là rất nhỏ.

Hình 3: Thuế nhập khẩu của Mỹ đối với hàng hóa Trung Quốc và ngày thực hiện

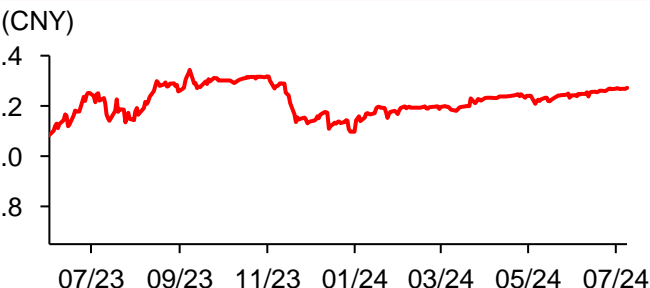
Loại hàng hóa	Thay đổi trong thuế nhập khẩu	Ngày thực hiện
Bộ phận pin	Tăng từ 7,5% lên 25%	tháng 8 năm 2024
Xe điện	Tăng từ 25% lên 100%	tháng 8 năm 2024
Mặt nạ, khẩu trang	Tăng từ 0 – 7,5% lên 25%	tháng 8 năm 2024
Pin EV lithium-ion	Tăng từ 7,5% lên 25%	tháng 8 năm 2024
Khoáng chất quan trọng khác	Tăng từ 0% lên 25%	tháng 8 năm 2024
Cần cầu đưa bờ	Tăng từ 0% lên 25%	tháng 8 năm 2024
Pin mặt trời (đã hoặc chưa lắp ráp thành mô-đun)	Tăng từ 25% lên 50%	tháng 8 năm 2024
Sản phẩm thép và nhôm	Tăng từ 0 – 7,5% lên 25%	tháng 8 năm 2024
Ống tiêm và kim tiêm	Tăng từ 0% lên 50%	tháng 8 năm 2024
Chất bán dẫn	Tăng từ 25% lên 50%	tháng 1 năm 2025
Pin lithium-ion không phải EV	Tăng từ 7,5% lên 25%	tháng 1 năm 2026
Găng tay y tế	Tăng từ 0 – 7,5% lên 25%	tháng 1 năm 2026
Than chì tự nhiên	Tăng từ 0% lên 25%	tháng 1 năm 2026
Nam châm vĩnh cửu	Tăng từ 0% lên 25%	tháng 1 năm 2026

Hình 4: Lạm phát Trung Quốc



Nguồn: Bloomberg, Census Bureau, Refinitiv, BLS, USTR

Hình 5: Tỷ giá USDCNY

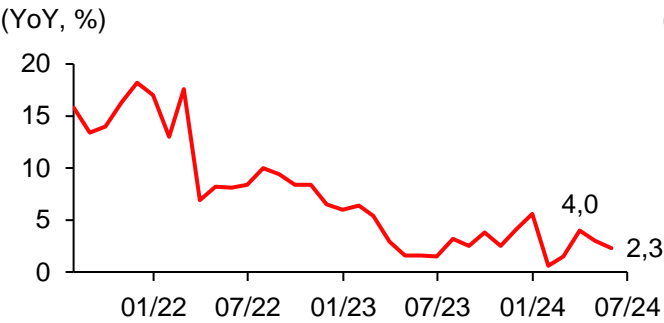


Kinh tế thế giới (tiếp)

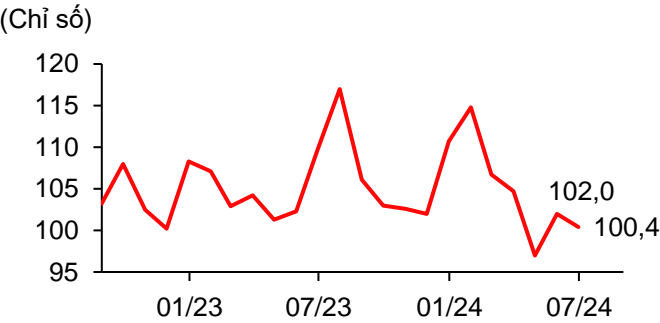
Tiêu dùng của Mỹ cho thấy sự suy yếu

Hoạt động kinh tế Mỹ tiếp tục giảm tốc, đặc biệt là về phía cầu. **Đầu tiên**, Cục Phân tích Kinh tế Mỹ (BEA) đã báo cáo mức tăng trưởng chi tiêu cá nhân tiếp tục thấp hơn so với tháng trước (MoM), chỉ đạt 0,3% so với mức 0,7% vào tháng 3. Điều đáng chú ý là chi tiêu tiêu dùng cá nhân cho dịch vụ đã chứng kiến sự sụt giảm liên tục từ 0,4% trong tháng 2 xuống còn 0,1% MoM trong tháng 5. **Thứ hai**, doanh số bán lẻ chững lại trong tháng 5, với tốc độ tăng trưởng so với cùng kỳ là 2,3%, giảm từ mức 4,0%. **Thứ ba**, niềm tin của người tiêu dùng Mỹ, khảo sát bởi Conference Board, giảm từ 102 xuống mức 100,4 trong tháng 6. Vì vậy, có thể thấy nhu cầu tiêu dùng ở Mỹ tiếp tục suy yếu trong xu hướng giảm.

Hình 6: Tăng trưởng bán lẻ Mỹ



Hình 7: Chỉ số niềm tin người tiêu dùng Mỹ



Thị trường lao động tiếp tục cho thấy xu hướng suy giảm

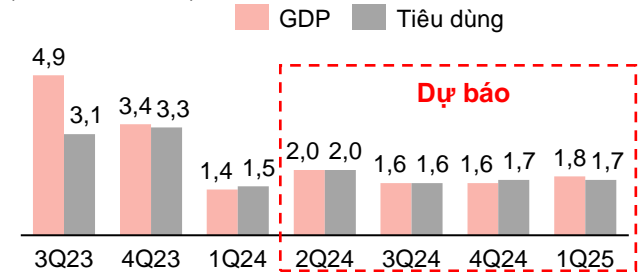
Sự suy giảm nhu cầu tiêu dùng cũng trùng khớp với sự suy yếu đang diễn ra và kéo dài của thị trường lao động ở Mỹ. **Thứ nhất**, mặc dù số việc làm mở mới tăng nhẹ lên 8,14 triệu nhưng tỷ lệ số việc làm mở mới chỉ đạt mức 4,9% - thấp nhất trong 3 năm, cho thấy nhu cầu lao động yếu. **Thứ hai**, số người được tuyển dụng mới trong tháng 6 đạt 206.000 việc làm, con số mà chúng tôi cho là thấp, vì theo Morgan Stanley, mức trung bình để tạo ảnh hưởng đến tỷ lệ thất nghiệp là 265.000, như đã đề cập trong báo cáo trước ([Báo cáo](#)). Hơn nữa, số người được tuyển dụng mới trong tháng 5 và tháng 4 đã được điều chỉnh giảm đáng kể xuống lần lượt là 218.000 và 108.000 việc làm, so với con số công bố đầu tiên, lần lượt là 272.000 và 175.000 việc làm. Không có gì đáng ngạc nhiên khi tỷ lệ thất nghiệp đã tăng lên 4,1%, vượt cả kỳ vọng của thị trường (4,0%) và dự báo của Ủy ban Thị trường mở Liên bang (FOMC) trong quý 4 năm 2024 (Q4/24). Ngoài ra, khảo sát về kỳ vọng của người tiêu dùng của NY Fed cho thấy sự gia tăng mối lo ngại rằng tỷ lệ thất nghiệp sẽ cao hơn. Nhìn chung, những yếu tố kể trên tiếp tục cho thấy thị trường lao động hiện đang trải qua giai đoạn giảm nhiệt.

Kinh tế thế giới (tiếp)

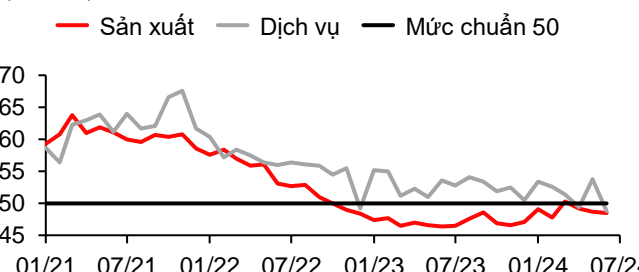
ISM PMI dịch vụ và sản xuất cho thấy bức tranh âm ảm

Về phía cung của nền kinh tế, cả ISM PMI dịch vụ và sản xuất trong tháng 6 đều có xu hướng giảm đáng kể, lần lượt giảm từ 53,8 xuống 48,8 và từ 49,2 xuống 48,5. Đặc biệt, ISM PMI dịch vụ đã giảm xuống mức thấp nhất lần đầu tiên kể từ tháng 5 năm 2020. Không có gì đáng ngạc nhiên khi các tổ chức nghiên cứu, theo khảo sát của Bloomberg, đã điều chỉnh dự báo tăng trưởng GDP Mỹ năm 2024, giảm từ 2,4% xuống 2,3%, chủ yếu do dự báo tăng trưởng suy giảm vào nửa cuối năm 2024 (2H24). Tuy nhiên, mặc dù đã điều chỉnh, thị trường vẫn dự báo mức tăng trưởng GDP trung bình ba quý còn lại là 1,7%, tốt hơn Q1/24 là 1,4%. Chúng tôi cho rằng ước tính của thị trường là quá lạc quan khi xem xét tình trạng kinh tế hiện tại ở Mỹ và các yếu tố nói trên.

Hình 8: Dự báo tăng trưởng GDP Mỹ theo BB (SAAR QoQ, %)



Hình 9: ISM PMI (Chỉ số)



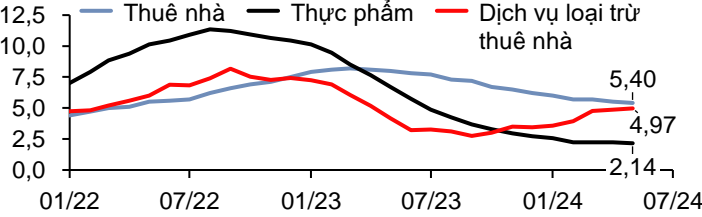
CPI Mỹ dự kiến sẽ giảm nhiệt trong nửa cuối năm 2024

Với bối cảnh nền kinh tế đang chậm lại, lạm phát của Mỹ dự kiến sẽ gặp ghềnh trong xu hướng đi xuống. Trong nhiều cuộc họp của Fed, Chủ tịch Jerome Powell đã nhấn mạnh ba cấu phần chính của lạm phát cần được chú ý: dịch vụ nhà ở, hàng hóa và các dịch vụ lõi không bao gồm nhà ở. **Thứ nhất**, tốc độ tăng giá nhà ở đã giảm trong tháng 5 và xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục được duy trì, như đã đề cập trong các báo cáo trước đây của chúng tôi ([Báo cáo](#)). **Thứ hai**, cấu phần lạm phát hàng hóa như may mặc và thực phẩm tiếp tục quỹ đạo đi xuống, đã giảm lần lượt 0,8% và 2,1% theo thống kê mới nhất. Hơn nữa, giá cước vận tải biển cao được đề cập ở phần trên khó có thể gây áp lực đáng kể lên lạm phát hàng hóa của Mỹ. **Thứ ba**, và là điểm quan trọng nhất, với sự sụt giảm nhanh chóng của ISM PMI dịch vụ và mức chi tiêu tiêu dùng cá nhân cho dịch vụ như đã đề cập phía trên, chúng tôi cho rằng cấu phần lạm phát dịch vụ lõi không bao gồm nhà ở sẽ giảm trong những lần công bố kết quả sắp tới. **Ngoài ra**, thị trường cũng kỳ vọng chỉ số CPI tháng 6 tới sẽ giảm từ 3,3% xuống 3,1%, tiếp tục đóng góp vào xu hướng giảm của lạm phát.

Kinh tế thế giới (tiếp)

Hình 10: Cấu phần chính trong CPI Mỹ

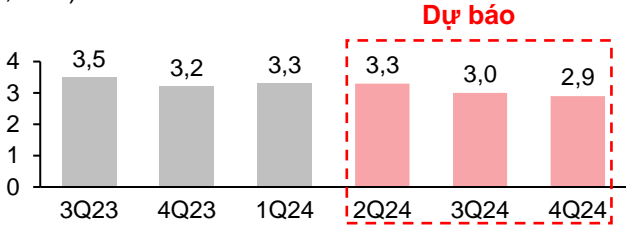
(%, YoY)



Chúng tôi giữ nguyên quan điểm Fed có thể cắt giảm lãi suất lần đầu vào tháng 9, dựa vào tất cả các lý do nêu trên

Hình 11: Dự báo CPI Mỹ bởi Bloomberg

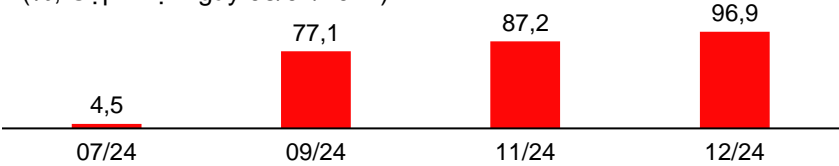
(%, YoY)



Triển vọng cắt giảm lãi suất của Cục Dự trữ Liên bang (Fed) vào tháng 9 vẫn không thay đổi dựa trên các yếu tố sau. **Thứ nhất**, lạm phát giảm và xu hướng này dự kiến sẽ tiếp tục trong thời gian tới, đặc biệt là sau kết quả ISM PMI dịch vụ. **Thứ hai**, xu hướng chung của thị trường lao động Mỹ vẫn theo chiều hướng đi xuống. Thị trường đã thay đổi kỳ vọng về việc cắt giảm lãi suất vào tháng 9 với xác suất 77,1%, điều chỉnh từ mức 67,6% của tháng trước. Vì vậy, chúng tôi duy trì quan điểm rằng đợt cắt giảm lãi suất lần đầu của Fed sẽ diễn ra vào tháng 9.

Hình 12: Xác suất Fed hạ lãi suất theo Reuters

(%, Cập nhật ngày 08/07/2024)



Tâm lý người tiêu dùng EU đang có dấu hiệu cải thiện

Quyết định hạ lãi suất vào tháng 6 của Ngân hàng Trung ương Châu Âu (ECB) có thể được coi là hợp lý và sáng suốt vì hành động này đã hỗ trợ kích thích cầu của nền kinh tế. Vào năm 2023, theo dữ liệu khảo sát Consumer Wise của McKinsey, tác động của lãi suất cao đã dẫn đến sự thay đổi trong hành vi của người tiêu dùng, khiến giảm chi tiêu. Do đó, việc giảm lãi suất gần đây là cần thiết để kích thích tiêu dùng, đặc biệt trong bối cảnh thu nhập của người tiêu dùng EU tăng nhẹ trong Q2/24*. Ngoài ra, Chỉ số niềm tin người tiêu dùng EU đã thể hiện xu hướng tăng nhất quán trong tháng 6, đạt mức cao nhất kể từ tháng 2 năm 2022. Xu hướng tích cực này cho thấy các cá nhân đã tự nhận thấy sự cải thiện về tình hình tài chính trong hộ gia đình của họ. Hơn nữa, điểm đáng chú ý là dữ liệu gần đây về tỷ lệ thất nghiệp của EU ở mức 6,4% YoY, mức thấp nhất kể từ năm 1995, cho thấy thị trường lao động vẫn vững mạnh. Tóm lại, với thu nhập danh nghĩa có xu hướng tăng trong bối cảnh lạm phát có xu hướng giảm và thị trường lao động thuận lợi, sự phục hồi tiêu dùng của EU sẽ trở nên rõ ràng trong thời gian tới.

(*) Khảo sát McKinsey Consumer Wise tháng 6 năm 2024

Kinh tế thế giới (tiếp)

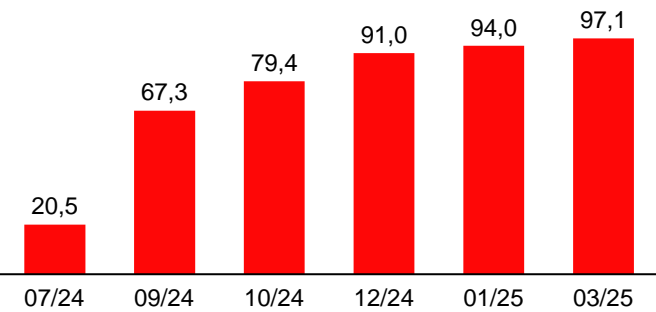
Sản xuất công nghiệp và dịch vụ có sự giảm tốc nhưng tâm lý doanh nghiệp vẫn lạc quan

Sản xuất công nghiệp và dịch vụ có dấu hiệu chứng lại, thể hiện rõ qua sự sụt giảm của chỉ số PMI tổng từ 52,2 xuống 50,9. Tuy nhiên, con số này vẫn tốt hơn mức thị trường dự báo là 50,8. Ngoài ra, dữ liệu của S&P Global cho thấy rằng mặc dù số lượng đơn đặt hàng mới giảm nhẹ nhưng vẫn duy trì sự lạc quan về ngành sản xuất trong tương lai khi so sánh với khảo sát của tháng 5. Điều này cho thấy các doanh nghiệp EU vẫn duy trì sự lạc quan, tuy nhiên có thể thấy rằng nền kinh tế EU phục hồi ở mức chậm.

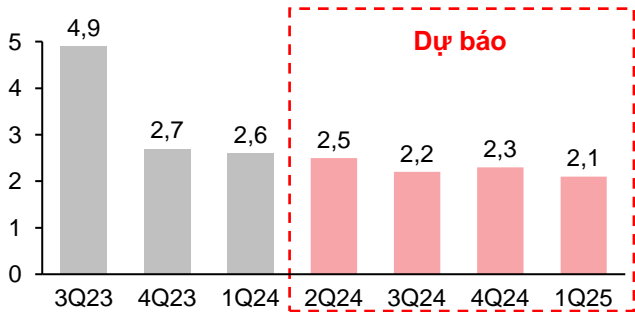
Khả năng ECB cắt giảm lãi suất vào tháng 7 là thấp, xác suất cao hơn trong cuộc họp tháng 9

Khả năng ECB cắt giảm lãi suất vào tháng 7 dường như khó xảy ra, việc cắt giảm trong cuộc họp tháng 9 có xác suất xảy ra cao hơn. Thị trường lao động ở EU đã thể hiện sự mạnh mẽ khi tỷ lệ thất nghiệp vẫn ổn định ở mức 6,4% và số tăng trưởng tiền lương vẫn ở mức cao, cho thấy ECB khó có thể vội vàng cắt giảm lãi suất lần nữa vào tháng 7. Tuy nhiên, lạm phát đã giảm và được ECB dự đoán sẽ tiếp tục giảm dần. Ước tính sơ bộ của Eurostat tháng 6 cho thấy mức tăng trưởng CPI của EU giảm nhẹ xuống 2,5%, thấp hơn mức 2,6% của tháng trước. Sự suy giảm này chủ yếu là do hai yếu tố: (1) lạm phát dịch vụ dự kiến sẽ giảm bớt do hiệu ứng “mở cửa trở lại sau đại dịch” đang dần biến mất (hiệu ứng nền tảng tăng trưởng cao); và (2) dư âm từ việc thắt chặt chính sách tiền tệ trước đây vẫn có thể sẽ ảnh hưởng đến kết quả lạm phát sắp tới. Từ đó, những yếu tố trên cho thấy rằng việc cắt giảm lãi suất vào tháng 7 khó có thể xảy ra, nhưng khả năng xảy ra một đợt cắt giảm lãi suất khác vào tháng 9 sẽ cao hơn khi tỷ lệ lạm phát tiếp tục giảm. Kỳ vọng của thị trường cũng phù hợp với đánh giá này, với xác suất 67,3% được thị trường cho là ECB sẽ cắt giảm lãi suất vào tháng 9, theo Reuters.

Hình 13: Xác suất ECB hạ lãi suất theo Reuters (% , Cập nhật ngày 08/07/2024)



Hình 14: Dự báo CPI YoY EU của Bloomberg (%)



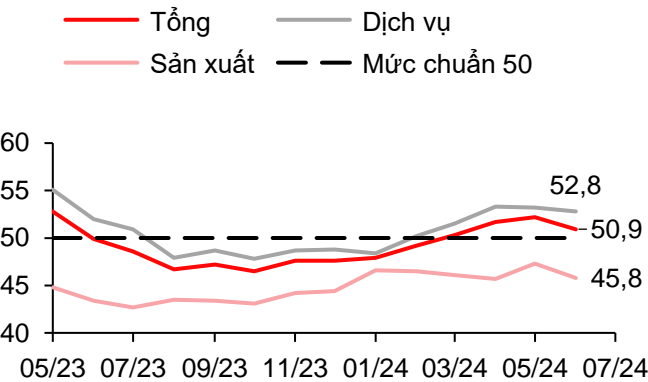
Kinh tế thế giới (tiếp)

GDP của EU dự kiến sẽ tiếp tục phục hồi chậm

EU GDP được dự đoán sẽ tiếp tục phục hồi dần dần. Những yếu tố được đề cập ở trên đều góp phần cho thấy khả năng phục hồi của EU. **Thứ nhất**, tâm lý người tiêu dùng EU đã có những cải thiện đáng kể, đi cùng với thị trường lao động kiên cường và thu nhập của người dân tăng nhẹ. **Thứ hai**, ECB đã thực hiện chính sách nới lỏng tiền tệ, bao gồm dự kiến cắt giảm lãi suất trong những tháng tới. **Cuối cùng**, mặc dù có sự sụt giảm nhẹ, khảo sát PMI EU vẫn tiếp tục cho thấy sự lạc quan về triển vọng kinh tế trong tương lai, theo S&P Global. Do đó, Bloomberg đã điều chỉnh kỳ vọng tăng trưởng GDP trong các quý sắp tới, tiếp tục khẳng định xu hướng phục hồi kinh tế tích cực của EU.

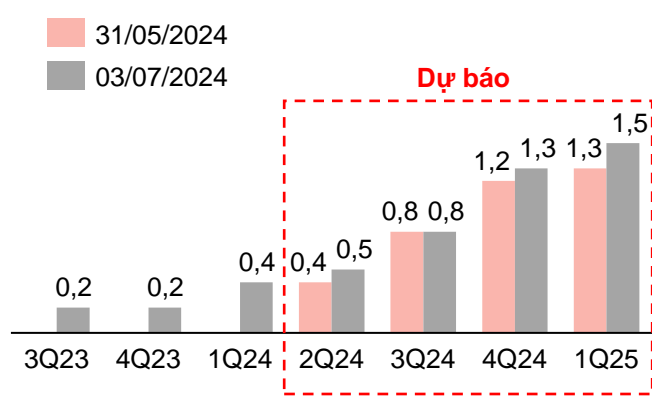
Hình 15: EU PMI

(Chỉ số)



Hình 16: Dự báo tăng trưởng GDP EU theo BB

(YoY, %)



Nền kinh tế Mỹ tiếp tục cho thấy sự chứng lại. Chúng tôi duy trì quan điểm Fed sẽ hạ lãi suất lần đầu vào tháng 9, trong bối cảnh lạm phát suy giảm và tỷ lệ thất nghiệp Mỹ tăng vượt dự đoán của FOMC. Nền kinh tế EU được cho rằng sẽ phục hồi dần dần, được hỗ trợ bởi thị trường lao động vững mạnh trong bối cảnh chính sách nới lỏng tiền tệ của ECB được thực thi.

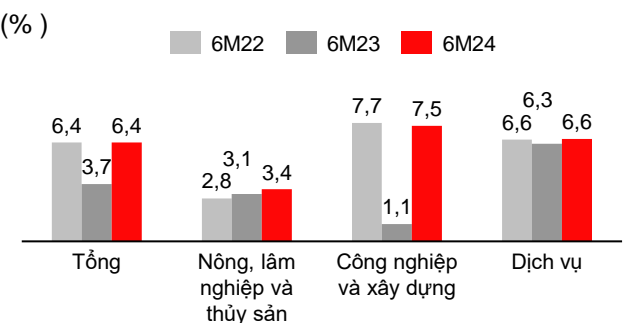
Kinh tế Việt Nam

Trong bối cảnh kinh tế Mỹ tăng trưởng chậm lại, và EU phục hồi, số lượng đơn đặt hàng tăng mạnh, hỗ trợ cho hoạt động thương mại và sản xuất của Việt Nam. Kỳ vọng giải ngân đầu tư công, thị trường bất động sản và nhu cầu nội địa cải thiện nửa cuối năm sẽ đóng góp tích cực vào tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi nâng mức dự báo tăng trưởng GDP của Việt Nam năm 2024 lên 6,5%.

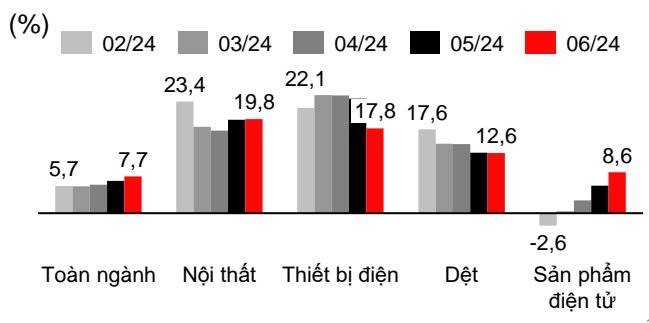
Khu vực công nghiệp và xây dựng là động lực tăng trưởng chính của nền kinh tế

Tăng trưởng GDP quý 2 cải thiện 6,9% so với cùng kỳ (YoY), giúp cho GDP 6 tháng đầu năm (6M24) ghi nhận ở mức khá 6,4% YoY. Đóng góp chính vào tăng trưởng GDP đến từ khu vực công nghiệp và xây dựng. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) cũng cho thấy xu hướng phục hồi kể từ tháng 3. IIP 6M24 các nhóm ngành chủ lực như dệt may, sản phẩm điện tử, thiết bị điện, nội thất đều tăng trưởng tốt. Bên cạnh đó, tăng trưởng GDP xây dựng duy trì 7% nhờ lĩnh vực bất động sản đã bắt đầu ấm dần lên, và đầu tư công được giải ngân đúng tiến độ, đặc biệt là các dự án trọng điểm. Chúng tôi kỳ vọng khu vực công nghiệp và xây dựng sẽ tiếp tục hồi phục và đóng góp chính vào tăng trưởng GDP trong 2 quý còn lại. **Thứ nhất**, Đơn hàng mới tăng lên tiếp tục hỗ trợ cho lĩnh vực sản xuất chế biến, chế tạo. Theo IHS Global, chỉ số Nhà quản trị mua hàng tháng 6 tăng mạnh lên 54,7 điểm. Cụ thể, số lượng đơn đặt hàng mới tăng tháng thứ 3 liên tiếp và tăng nhanh thành mức cao gần kỷ lục. **Thứ hai**, kỳ vọng giải ngân đầu tư công đạt 95% kế hoạch năm 2024 khi Chính phủ luôn đốc thúc kịp tiến độ của từng dự án. **Thứ ba**, Luật đất đai có hiệu lực từ 1/8/2024 giúp đẩy nhanh công tác giải phóng mặt bằng của doanh nghiệp, tăng nguồn cung quỹ đất, và thu hút dòng vốn ngoại. Theo đó, ngành bất động sản và xây dựng được kỳ vọng sẽ tăng trưởng tốt hơn trong thời gian tới. **Thứ tư**, mặt bằng lãi suất tăng nhưng vẫn duy trì thấp hơn so với quá khứ sẽ tiếp tục hỗ trợ tăng trưởng kinh tế. Chúng tôi điều chỉnh tăng dự báo GDP cả năm 2024 lên 6,5%.

Hình 17: Tăng trưởng GDP 6 tháng các năm theo khu vực so với cùng kỳ

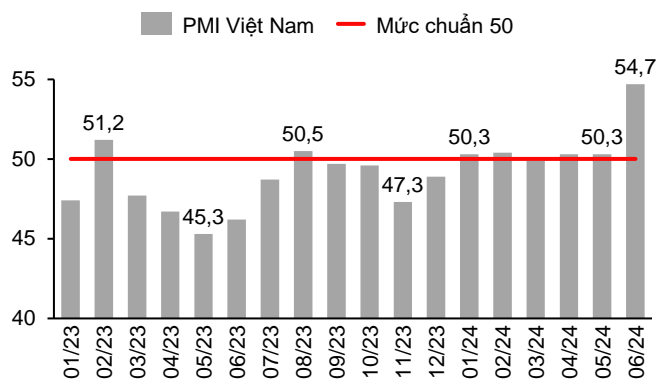


Hình 18 : IIP các ngành



Kinh tế Việt Nam (tiếp)

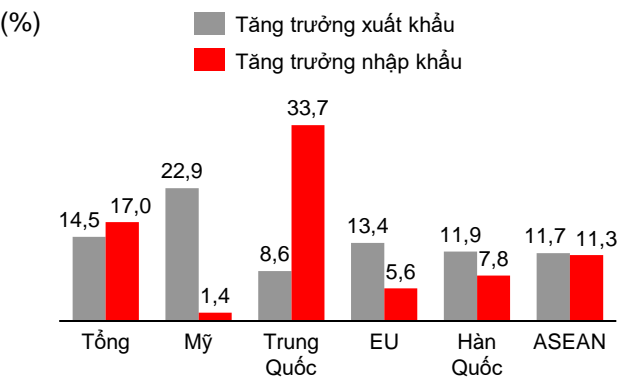
Hình 19: PMI ngành sản xuất Việt Nam
(Chỉ số)



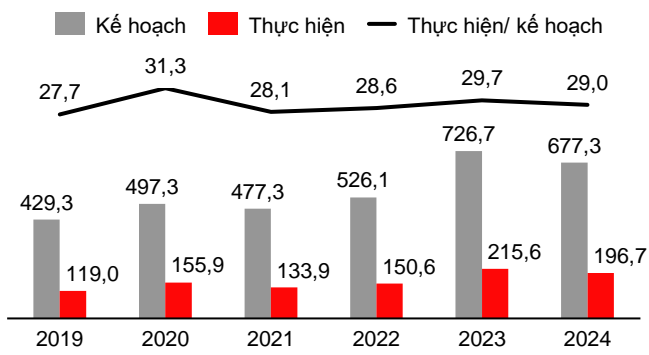
Kỳ vọng đơn đặt hàng mới tiếp tục tăng, hỗ trợ hoạt động thương mại của Việt Nam

Xuất khẩu sang các thị trường chủ lực trong 6M24 như Mỹ, EU, ASEAN, Hàn Quốc duy trì tăng trưởng 2 chữ số. Cụ thể, xuất khẩu các mặt hàng chính đều ghi nhận sự phục hồi rõ rệt. Việt Nam ghi nhận mức thặng dư 11,6 tỷ USD trong 6M24. Riêng trong tháng 6 cán cân thương mại ghi nhận thặng dư thương mại trở lại 3 tỷ USD là một điều không quá bất ngờ. Theo quan sát của chúng tôi, xu hướng nhập khẩu trong tháng 6 thường sẽ ít hơn so với tháng trước đó. Tuy nhiên, trong tháng 7, chúng tôi nhận thấy áp lực nhập khẩu quay trở lại rõ rệt khi lượng đơn hàng mới tăng cao, đặc biệt là nhập khẩu linh kiện điện tử, và máy móc thiết bị. Điểm tích cực, theo khảo sát gần 6.400 doanh nghiệp ngành chế biến, chế tạo của Tổng cục Thống kê (GSO), 83,8% doanh nghiệp dự báo lượng đơn hàng mới quý 3 tiếp tục tăng hoặc ổn định, tiếp tục hỗ trợ cho hoạt động thương mại trong thời gian tới. Như nhận định trong các báo cáo trước đó, chúng tôi duy trì quan điểm nhập khẩu sẽ tiếp tục tăng mạnh hơn vào nửa cuối năm khi nền kinh tế phục hồi. Do vậy, chúng tôi dự báo tăng trưởng xuất khẩu và nhập khẩu cả năm 2024 lần lượt là 12,5% YoY và 18,5% YoY

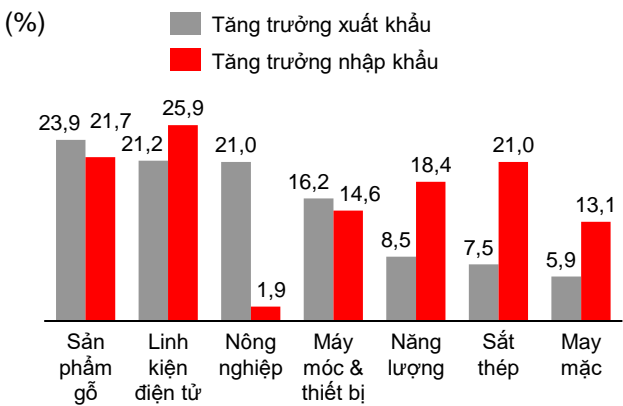
Hình 21: Tăng trưởng thương mại YoY theo quốc gia 6 tháng năm 2024



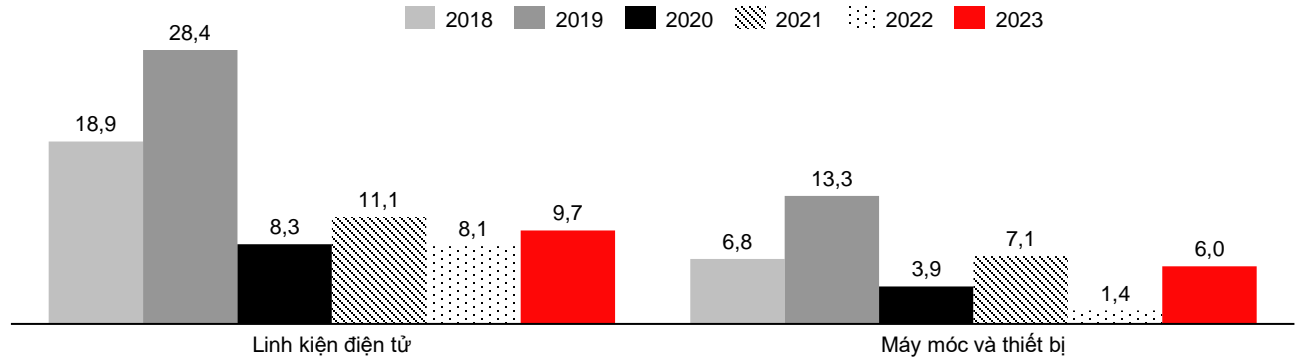
Hình 20: Chi đầu tư phát triển 6 tháng các năm
(Ngàn tỷ VNĐ)



Hình 22: Tăng trưởng thương mại YoY theo sản phẩm 6 tháng năm 2024



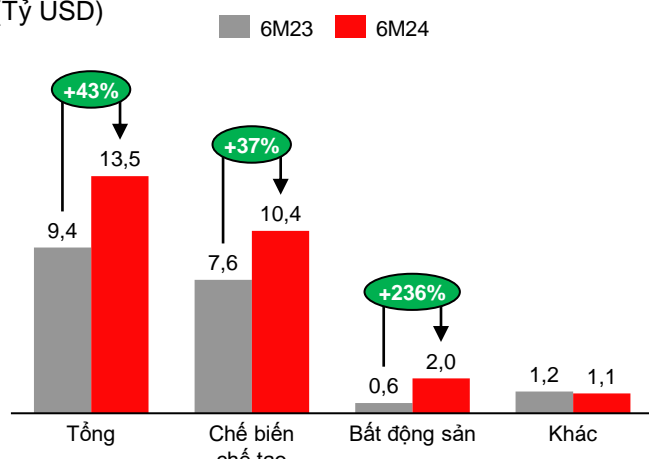
Hình 23: Tăng trưởng nhập khẩu các mặt hàng tháng 7 so với tháng trước các năm (%MoM)



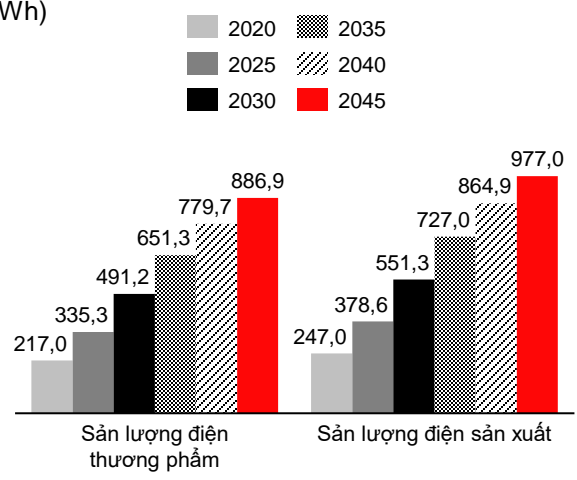
Lĩnh vực chế biến, chế tạo tiếp tục nhận được sự quan tâm lớn từ các nhà đầu tư nước ngoài

Đăng ký mới và bổ sung vốn FDI vào Việt Nam 6M24 tăng mạnh 43,2% YoY, cho thấy các doanh nghiệp lớn tiếp tục lạc quan với triển vọng đầu tư vào Việt Nam. Cụ thể, đầu tư vào lĩnh vực chế biến, chế tạo tăng 36,6%. Trong tháng 6, Amkor đầu tư thêm 1 tỷ USD cho nhà máy sản xuất thiết bị bán dẫn, và Foxconn đầu tư thêm vào 3 nhà máy sản xuất linh kiện điện tử với vốn đầu tư 950 triệu USD tại Bắc Ninh và Quảng Ninh... Trong thời gian tới, nhiều doanh nghiệp lớn như LG, Samsung, Nvidia... đều chia sẻ sẽ có kế hoạch mở rộng nhà máy tại Việt Nam. Bên cạnh đó, Chính phủ đang nỗ lực đảm bảo cung ứng điện cho khu vực sản xuất theo Quy hoạch Phát triển Điện lực Quốc gia 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 (Quy hoạch Điện VIII) và tạo thêm cơ hội cho các nhà đầu tư ngoại tham gia thị trường bất động sản theo Luật đất đai 2024. Chúng tôi cho rằng Việt Nam vẫn sẽ là điểm đến hấp dẫn đối với các nhà đầu tư nước ngoài, đặc biệt là lĩnh vực chế biến, chế tạo.

Hình 24: FDI đăng ký mới và bổ sung theo nhóm ngành (Tỷ USD)



Hình 25: Dự báo sản lượng điện 2020 – 2045F theo quy hoạch Điện VIII (kịch bản cơ sở) (TWh)



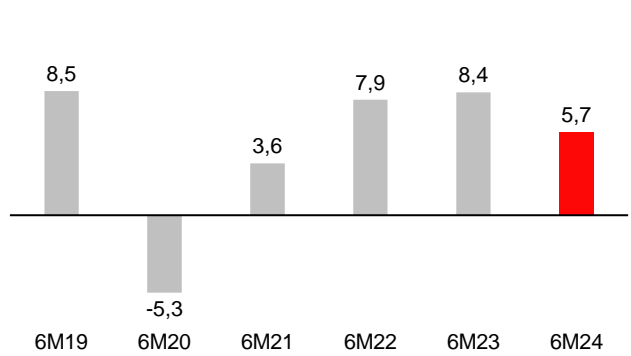
Nguồn: GSO, TCB Market Analysis

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

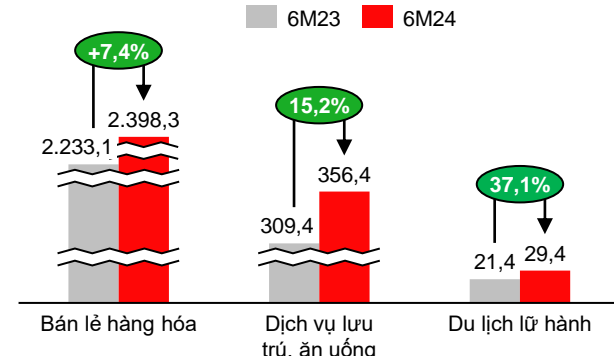
Kỳ vọng nhu cầu tiêu dùng nội địa sẽ cải thiện nhờ việc du lịch phục hồi hoàn toàn và thêm các chính sách hỗ trợ từ Chính phủ

Xét sử dụng GDP 6M24, tiêu dùng cuối cùng tăng 5,8% YoY, thấp hơn mức tăng trưởng GDP 6M24 là 6,4% YoY, cho thấy nhu cầu tiêu dùng nội địa chỉ ở mức khá. Tương tự, tăng trưởng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ (đã loại trừ yếu tố về giá) 6M24 tăng nhẹ 5,7% YoY. Điểm tích cực là du lịch quốc tế và nội địa đã phục hồi hoàn toàn, thậm chí còn tăng nhẹ so với mức trước dịch Covid-19. Chúng tôi đánh giá kế hoạch đón khách du lịch năm 2024 của Bộ Văn hóa Thể thao và Du lịch là hoàn toàn có thể đạt được, cụ thể du khách quốc tế 18 triệu lượt và du lịch nội địa 110 triệu lượt. Khi đó, doanh thu du lịch và lưu trú, ăn uống ghi nhận mức tăng trưởng tốt sẽ tiếp tục đóng góp tích cực vào tổng mức bán lẻ hàng hóa, dịch vụ. Bên cạnh đó, chúng tôi kỳ vọng việc Chính phủ ban hành các chính sách hỗ trợ có hiệu lực từ ngày 01/07 sẽ kích thích tiêu dùng nội địa trong thời gian tới. **Thứ nhất**, thực hiện cải cách tiền lương. **Thứ hai**, tiếp tục giảm thuế giá trị gia tăng. **Thứ ba**, gia hạn nộp thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế thu nhập cá nhân, VAT và tiền thuê đất.

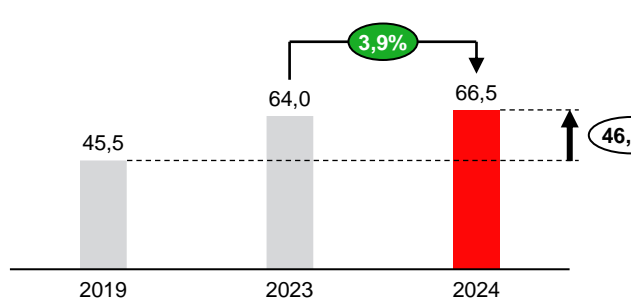
Hình 26: Tăng trưởng bán lẻ hàng hóa dịch vụ (đã loại bỏ yếu tố về giá) (%)



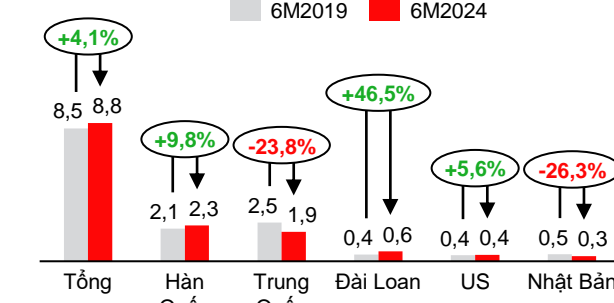
Hình 27: Mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ theo từng cấu phần (Nghìn tỷ VNĐ)



Hình 28: Khách du lịch nội địa (triệu lượt)



Hình 29: Khách du lịch quốc tế (triệu lượt)



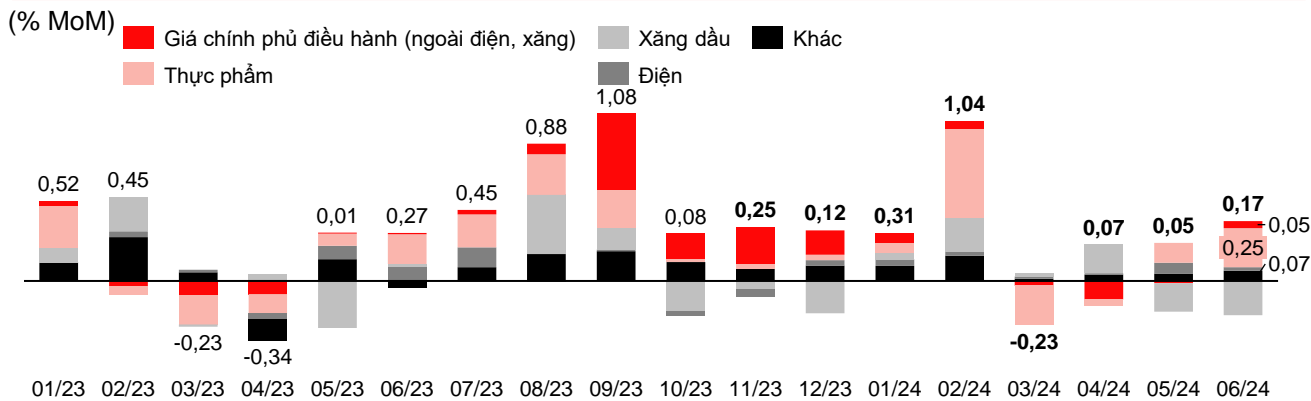
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

CPI bình quân năm 2024 được dự báo trong vùng từ 3,5 đến 4,0%

CPI tháng 6 tăng nhẹ 0,17% MoM và tăng 4,3% YoY. Các yếu tố gia tăng áp lực lên lạm phát trong tháng 6 gồm: **Thứ nhất**, giá lợn tăng do thiếu hụt nguồn cung sau đợt tả dịch Châu Phi từ năm ngoái và dịch đang bùng lại tại một số tỉnh. **Thứ hai**, một số tỉnh như Huế, Long An điều chỉnh giá dịch vụ y tế. Bên cạnh đó, việc thời tiết đã đi vào cuối chu kỳ Elnino khiến nền nhiệt năm nay đỡ nóng hơn thời gian trước, giúp giá điện chỉ tăng nhẹ trong tháng 6.

Những tháng còn lại của năm, chúng tôi cho rằng lạm phát sẽ ổn định hơn. **Thứ nhất**, theo Bloomberg, giá dầu WTI được dự báo sẽ biến động quanh 80USD/thùng, không đổi so với mức giá hiện tại. **Thứ hai**, giá các mặt hàng do Nhà nước quản lý như giá điện, y tế và giáo dục có thể được điều chỉnh tăng nhưng sẽ không gây áp lực lớn lên lạm phát. Theo đó, chúng tôi dự báo CPI cả năm 2024 trong vùng 3,5% đến 4,0%, vẫn dưới mức mục tiêu 4,5% mà Chính phủ đề ra.

Hình 30: Đóng góp vào CPI của các nhóm hàng



Dự báo USD/VNĐ quanh 25.450 trong ngắn hạn, nhưng sẽ hạ nhiệt về mức 25.250 vào cuối năm

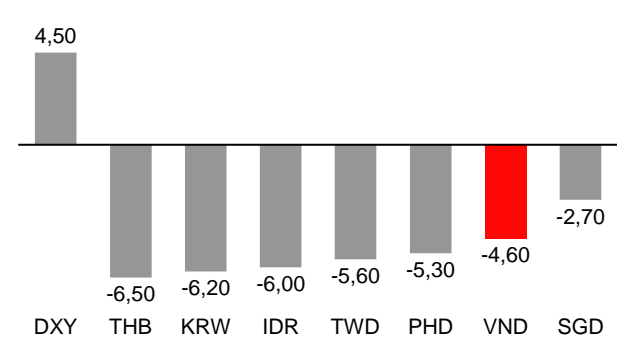
Trong tháng 6, tỷ giá USD/VNĐ biến động quanh 25.450 - mức giá bán giao ngay của Ngân hàng Nhà nước (SBV). Chúng tôi ước tính SBV đã bán hơn 6,4 tỷ USD từ đầu năm, nhằm đáp ứng nhu cầu ngoại tệ từ hệ thống ngân hàng, với nguyên nhân chính đến từ việc các doanh nghiệp đẩy mạnh nhập khẩu nguyên vật liệu và chênh lệch âm giữa lãi suất liên ngân hàng VNĐ và USD. Tính từ đầu năm, đồng VNĐ mất giá 4,6%. Tương tự, các đồng tiền khác trong khu vực như THB, PHD, IDR, KRW,... đều mất giá trong khoảng 5 đến 6,5%.

Tỷ giá được dự báo sẽ tiếp tục chịu áp lực cho đến hết quý 3 năm 2024. **Thứ nhất**, theo Bloomberg, chỉ số Dollar Index (DXY) được kỳ vọng sẽ duy trì quanh 105 điểm trong quý 3, tăng 3,7% YTD. **Thứ hai**,

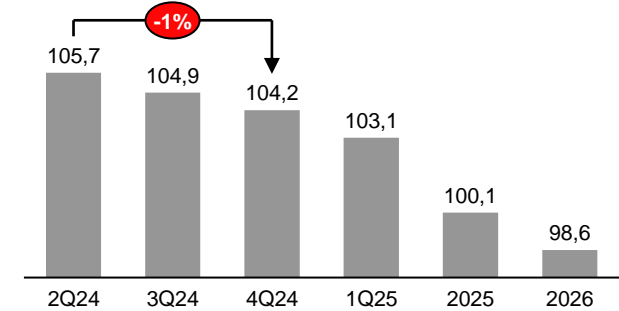
Kinh tế Việt Nam (tiếp)

tháng 7 thường là tháng các doanh nghiệp FDI chuyển lợi nhuận về nước và nhập khẩu nguyên vật liệu nhiều. Do vậy, SBV khả năng cũng sẽ linh hoạt để tỷ giá vận hành theo cung-cầu thị trường, đồng thời tiếp tục các biện pháp điều tiết thanh khoản VNĐ và sẵn sàng bán ngoại tệ khi cần, nhằm đảm bảo các giao dịch thị trường bằng VNĐ và USD được vận hành thông suốt. Tuy nhiên, trong những tháng cuối năm 2024, tỷ giá USD/VNĐ được kỳ vọng sẽ bớt căng thẳng hơn do 2 yếu tố: **Thứ nhất**, có dòng ngoại tệ từ kiều hối và FDI vào Việt Nam. **Thứ hai**, chỉ số DXY dự kiến giảm khi Fed bắt đầu hạ lãi suất. Do vậy, chúng tôi điều chỉnh dự báo kết thúc năm đồng VNĐ sẽ mất giá 4,1% YTD.

Hình 31: Các đồng tiền trong khu vực mắt giá so với USD (% YTD)



Hình 32: Dự báo DXY bởi Bloomberg (Chỉ số)



Lãi suất huy động dự báo sẽ tăng nhẹ vào cuối năm khi nền kinh tế phục hồi

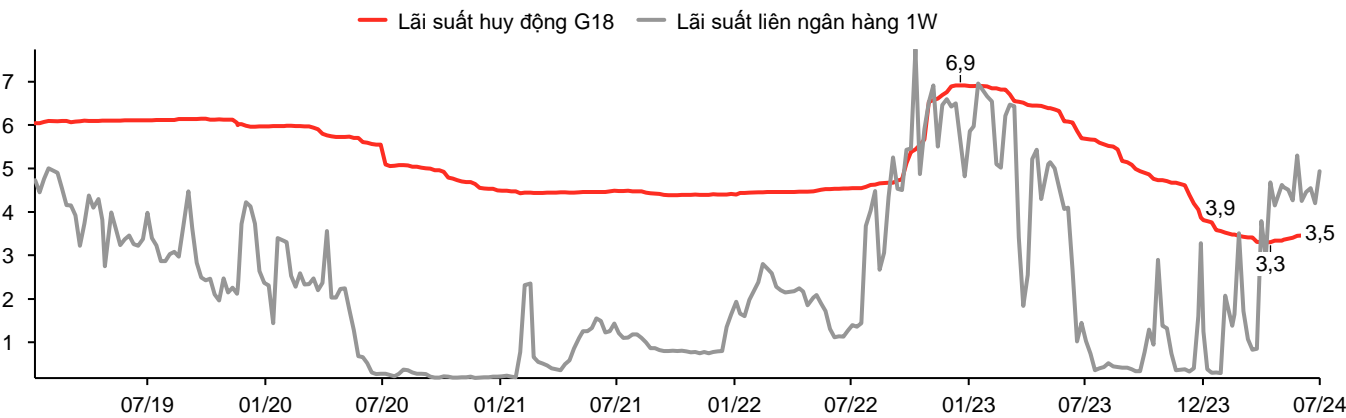
Lượng thanh khoản tiền VNĐ vẫn được duy trì ổn định với lãi suất liên ngân hàng biến động trong khoảng 4% đến 5%. Một phần hỗ trợ cho thanh khoản đến từ việc Kho bạc Nhà nước gửi tiền có kỳ hạn tại hệ thống ngân hàng. Trong tháng 6, SBV đã nâng mức lãi suất trúng thầu tín phiếu lên 4,5% bằng với mức lãi suất OMO. Chúng tôi cho rằng SBV đang tập trung hỗ trợ ổn định tỷ giá. Vì vậy SBV có thể sẽ tiếp tục sử dụng các công cụ OMO, phát hành tín phiếu một cách linh hoạt nhằm giảm chênh lệch âm giữa lãi suất liên ngân hàng VNĐ và USD.

Tính tới ngày 24/6/2024, theo GSO, tăng trưởng tín dụng và huy động lần lượt là 4,5% và 1,5% YTD. Tăng trưởng huy động chậm hơn tín dụng do các nguyên nhân sau. **Thứ nhất**, việc SBV bán vàng và USD từ dự trữ ngoại hối nhằm ổn định thị trường. **Thứ hai**, thu từ thặng dư ngân sách nhà nước 217 nghìn tỷ VNĐ trong 6M24. Chúng tôi đánh giá tăng trưởng huy động chậm có tạo áp lực lên thanh khoản hệ thống ngân hàng trong ngắn hạn, và trong dài hạn sẽ tác động tới lãi

Kinh tế Việt Nam (tiếp)

suất huy động và cho vay. Chúng tôi ước tính lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng của nhóm G18 tăng 25 điểm so với cuối tháng 3/2024, dù vẫn thấp hơn 35 điểm so với thời điểm cuối năm 2023. Trong giai đoạn nửa sau năm 2024, kỳ vọng kinh tế ngày càng phục hồi, tăng trưởng tín dụng tiếp tục vượt tăng trưởng huy động sẽ tạo áp lực lên lãi suất huy động. Chúng tôi dự báo lãi suất huy động kỳ hạn 6 tháng của nhóm G18 sẽ chỉ tăng nhẹ 75 điểm so với cuối năm 2023.

Hình 33: Bình quân gia quyền lãi suất huy động nhóm G18* kỳ hạn 6 tháng & lãi suất liên ngân hàng 1W (%)



Phụ lục

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính thế giới

Chỉ báo	Quốc gia	Đơn vị	2023									2024				
				06	07	08	09	10	11	12	01	02	03	04	05	
Tăng trưởng GDP thực tế	Mỹ	%, YoY, hàng quý		2,40			2,90			3,1			3,0			
	EU	%, YoY, hàng quý		0,60			0,10			0,10			0,4			
	Trung Quốc	%, YoY, hàng quý		6,30			4,90			5,2			5,3			
	Nhật Bản	%, YoY, hàng quý		2,30			1,60			1,2						
CPI	Mỹ	%, YoY, hàng tháng		2,97	3,17	3,67	3,70	3,24	3,14	3,40	3,1	3,2	3,5	3,4		
	EU	%, YoY, hàng tháng	5,46	5,50	5,30	5,20	4,30	2,90	2,40	2,90	2,8	2,6	2,4	2,4		
	Trung Quốc	%, YoY, hàng tháng		0,00	-0,30	0,10	0,00	-0,20	-0,50	-0,30	-0,8	0,7	0,1	0,3		
	Nhật Bản	%, YoY, hàng tháng		3,30	3,30	3,20	3,00	3,30	2,80	2,60	2,2	2,8	2,7	2,5		
Lãi suất chính sách Fed		%, cuối tháng	5,50	5,25	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	5,50	
DXY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	103,25	103,08	101,40	103,10	105,28	106,35	104,49	102,69	102,95	104,1	103,7	105,41	104,95	
USDCNY		Chỉ số, trung bình hàng tháng	7,08	7,16	7,19	7,25	7,30	7,31	7,22	7,15	7,17	7,19	7,20	7,24	7,23	
Lãi suất TPCP Mỹ 10 năm		%, trung bình hàng tháng	3,96	3,75	3,89	4,17	4,38	4,80	4,51	4,05	4,05	4,23	4,21	4,51	4,48	
Giá dầu WTI		USD/thùng, trung bình hàng tháng	77,66	70,27	76,03	81,32	89,43	85,47	77,38	72,06	73,86	76,61	80,4	84,4	78,6	

Cập nhật tình hình kinh tế và thị trường tài chính Việt Nam

Chỉ báo	Đơn vị	2023									2024				
			06	07	08	09	10	11	12	01	02	03	04	05	
Tăng trưởng GDP thực tế	%, hàng quý, YoY	5,05	4,14			5,33			6,72			5,66			
IIP	%, hàng tháng, YoY	1,50	1,75	3,69	2,62	2,89	4,38	5,79	5,76	18,86	-6,81	4,13	6,30	8,90	
Lạm phát	%, hàng tháng, YoY	3,25	2,00	2,06	2,96	3,66	3,59	3,45	3,58	3,37	3,98	3,97	4,40	4,44	
Tổng mức bán lẻ	%, hàng tháng, YoY	9,60	6,5	7,1	7,6	7,5	7,0	10,1	9,3	8,1	8,5	9,2	9,0	9,0	
FDI đăng ký	tỷ USD, hàng tháng	28,10	1,90	2,70	1,30	2,00	5,20	2,30	5,20	2,2	1,8	1,7	2,6	1,7	
FDI giải ngân	tỷ USD, hàng tháng	23,20	2,50	1,60	1,50	2,80	2,10	2,30	2,90	1,5	1,3	1,8	1,7	2,0	
Xuất khẩu	tỷ USD, hàng tháng	355,5	29,50	30,70	32,70	30,80	32,50	31,20	32,1	34,5	24,7	33,7	31,1	32,8*	
Nhập khẩu	tỷ USD, hàng tháng	327,5	26,30	27,10	29,30	29,10	29,50	29,90	29,6	30,9	23,3	30,9	29,9	33,8*	
Cán cân thương mại	tỷ USD, hàng tháng	28,00	3,20	3,60	3,40	1,70	2,90	1,30	2,40	3,6	1,4	2,8	1,2	-1,0*	
Tăng trưởng huy động	%, YTD	10,85	4,67	3,83	4,86	6,76	7,09	8,88	13,20	-1,29	-1,70				
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD	13,50	4,70	4,50	5,33	6,20	7,10	9,15	13,78	-0,68	-0,75				
Lợi suất TPCP 10 năm	%, trung bình hàng tháng	3,07	2,80	2,60	2,50	2,60	2,90	2,56	2,26	2,25	2,32	2,50	2,78	2,80	
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, trung bình hàng tháng	2,60	2,20	0,60	0,40	0,40	1,37	0,71	0,82	0,43	2,53	1,32	4,20	4,55	
Lãi suất huy động 6 tháng**	%, trung bình hàng tháng	-3,04	5,90	5,60	5,20	4,90	4,70	4,54	4,19	3,70	3,40	3,37	3,31	3,39	
USD/VND	trung bình hàng tháng	23.847	23.515	23.670	23.882	24.246	24.488	24.321	24.283	24.476	24.520	24.724	25.153	25.446	

Cập nhật dự báo cả năm cho Việt Nam

Chỉ báo	Đơn vị									2024					Forecast
		06	07	08	09	10	11	12	01	02	03	04	05	2024	
Tăng trưởng GDP thực tế	%	4,14			5,33			6,72			5,66			6,00	
Lạm phát	%, YoY, bình quân	2,00	2,06	2,96	3,66	3,59	3,45	3,58	3,37	3,98	3,97	4,40	4,44	3,80	
Tăng trưởng huy động	%, YTD	4,67	3,83	4,86	6,76	7,09	8,88	13,20	-1,29					9,70	
Tăng trưởng tín dụng	%, YTD	4,70	4,50	5,33	6,20	7,10	9,15	13,78	-0,68					14,00	
Tỷ giá USD/VND	bình quân	23.515	23.670	23.882	24.246	24.488	24.321	24.283	24.476	24.520	24.724	25.153	25.446	25.054	
Lợi suất TPCP 10 năm	%, 10Y, bình quân	2,80	2,60	2,50	2,60	2,90	2,56	2,26	2,25	2,32	2,50	2,78	2,80	2,60	
Lãi suất liên ngân hàng 1W	%, bình quân	2,20	0,60	0,40	0,40	1,37	0,71	0,82	0,43	2,53	1,32	4,20	4,55	2,84	

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Tổng cục Hải quan, VBMA, Reuters, TCB Analysis

Lưu ý:

* Số ước tính

** Bình quân gia quyền của 18 ngân hàng

Số liệu xuất nhập khẩu tháng 5 theo Tổng cục thống kê (26 ngày), các tháng trước đó theo Tổng cục hải quan

MIỄN TRỪ TRÁCH NHIỆM

Báo cáo này (“**Báo cáo**”) do Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Kỹ thương Việt Nam (“Techcombank”) soạn thảo nhằm mục đích cung cấp thông tin cho Khách hàng của Techcombank. Khách hàng có thể sao chép hoặc trích dẫn trực tiếp hoặc gián tiếp một phần hay toàn bộ Báo cáo này với điều kiện việc sao chép, trích dẫn phải tôn trọng, đảm bảo giữ đúng nội dung và ghi chú rõ ràng nguồn thông tin Báo cáo. Khách hàng chịu mọi trách nhiệm về việc sao chép, trích dẫn của mình cũng như các nội dung sao chép, trích dẫn không tuân thủ nguyên tắc nêu trên trên.

Báo cáo này được xây dựng dựa trên các ý kiến chuyên nghiệp được đưa ra một cách cẩn trọng, độc lập và căn cứ vào các nguồn thông tin được cho là đáng tin cậy vào ngày ban hành Báo cáo này. Tuy nhiên, mọi nhận định trong báo cáo này chỉ là ý kiến riêng Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính, không đại diện cho ý kiến của Ban lãnh đạo Ngân hàng và cũng hoàn toàn không có định hướng nào về kết quả hoạt động của Techcombank. Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính không cam kết và bảo đảm về sự chính xác, kịp thời, hoàn chỉnh và ổn định của các thông tin trong báo cáo dưới bất kỳ tình huống nào, cũng như không có nghĩa vụ phải cập nhật, điều chỉnh, bổ sung thông tin sau khi báo cáo được phát hành.

Báo cáo này không phải là và không được coi là hoạt động tư vấn hoặc là các khuyến nghị hoặc ý kiến tư vấn đầu tư, tài chính, tư vấn mua, bán bất kỳ sản phẩm nào hoặc tư vấn cho bất cứ hoạt động kinh doanh nào và không nhằm mục đích phục vụ lợi ích của bất kỳ cá nhân/tổ chức nào, bao gồm cả Techcombank và/hoặc các chi nhánh và công ty con của Techcombank. Khách hàng được khuyến cáo nên coi những thông tin được cung cấp trong báo cáo như là một nguồn thông tin tham khảo và Khách hàng nên sử dụng dịch vụ tư vấn, luật sư chuyên nghiệp khi đưa ra các quyết định kinh doanh, đầu tư của mình. Techcombank, tác giả báo cáo, lãnh đạo và/hoặc nhân viên của Techcombank không chịu bất kỳ trách nhiệm nào đối với bất cứ cá nhân, tổ chức nào liên quan đến báo cáo này trong bất kỳ tình huống nào.

Nếu khách hàng có bất kỳ bình luận, câu hỏi hoặc mối quan tâm đặc biệt nào về các thông tin đề cập trong báo cáo xin liên hệ với chúng tôi theo thông tin liên hệ sau:

Bộ phận Phân tích Kinh tế và Thị trường Tài chính
Khối Ngân hàng Doanh nghiệp và Định chế Tài chính

TECHCOMBANK

Địa chỉ: 6 Quang Trung, P. Trần Hưng Đạo, Q. Hoàn Kiếm, Hà Nội

Email: Tckh.ptkt@techcombank.com.vn

Website: <https://techcombank.com/thong-tin/nguyen-cuu>